TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Ân

2. Ông Nguyễn Hải Nam

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:370/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979 "vắng mặt".

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị P, sinh năm 1978 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 25/7/2022 nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: anh và chị P kết hôn vào ngày 10/9/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chung sống có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Mặc dù vợ chồng vẫn cố tình duy trì cuộc sống gia đình để đôi bên tự nhận ra những khuyết điểm của mình, để sửa chữa bản thân nhưng có nhiều việc đáng tiếc xảy ra, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt sâu sắc và không thể tiếp tục hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/5/1998 và Nguyễn Đan Đ, sinh ngày 14/10/2001. Hiện hai con đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của anh Nguyễn Thanh T, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn chị Đặng Thị P không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và nguyên đơn cũng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T.

Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn Tâm.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị P, có địa chỉ ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do

đó, Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Đặng Thị P được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng chị P vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Thanh T và chị Đặng Thị P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhân kết hôn số: 81 ngày 10/9/2001 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh T cho rằng: Trong thời gian chung sống có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Mặc dù, vợ chồng vẫn cố tình duy trì cuộc sống gia đình, để đôi bên tự nhận ra những khuyết điểm của mình, để sửa chữa bản thân nhưng có nhiều việc đáng tiếc xảy ra, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt sâu sắc và không thể tiếp tục hàn gắn được. Xét lời trình bày của anh T phù hợp với các chứng cứ mà Tòa án thu thập được. Mặc khác, việc yêu cầu ly hôn của anh T thì chị P không có ý kiến gì, mặt dù Tòa án triệu tập tham gia để hòa giải nhưng chị P không tham gia. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/5/1998 và Nguyễn Đan Đ, sinh ngya2 14/10/2001. Hiện hai con đã trưởng thành không yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầuTòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh T phải nộp 300.000đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Đặng Thị P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0014775 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Đ hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Y, Vĩnh Long;
(Giấy kết hôn số: 05, ngày 13/11/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.